

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH Đ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **03/2022/HNGĐ-ST**

Ngày: 11-01-2022

V/v tranh chấp: “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH Đ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thanh Ph

Ông Hoài Đức Huệ

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Đình Linh Chi - Thư ký Tòa án nhân dân huyện N.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa: Bà Đặng Văn Hoàng Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Đ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 280/2021/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 6 năm 2021 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1048/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 11 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 1115/2021/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 12 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Thị H**, sinh năm 1981.

2. *Bị đơn:* Anh **Trần Thanh Ph**, sinh năm 1984.

Cùng địa chỉ: Ấp B, xã A, huyện N, tỉnh Đ.

(Các đương sự vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Nguyên đơn chị Thị H trình bày:*

Chị và anh Trần Thanh Ph tự nguyện chung sống vào năm 2006, có đăng ký kết hôn tại UBND xã A (được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 79, quyền số 01/2006, ngày 24/11/2006).

Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống nên bất hòa. Từ tháng 12/2020 anh chị sống ly thân nhau không hòa giải đoàn tụ lần nào. Nay chị cương quyết xin ly hôn với anh Ph do mâu thuẫn đã trầm trọng và kéo dài.

- Con chung: có 02 cháu là Trần Ngọc Phương L- sinh ngày 10/6/2008 và Trần Thịnh Minh Kh- sinh ngày 22/12/2013. Từ khi ly thân cho đến nay chị là người trực tiếp nuôi dưỡng các con, anh Ph không hỗ trợ gì. Nếu ly hôn, chị xin nuôi 02 con, không yêu cầu anh Ph cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay chị làm y tế trường học, ngoài ra có kinh doanh thêm nên đủ khả năng nuôi con.

- Tài sản chung: không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết.

- Nợ chung: không có.

Chị H xin vắng mặt tại phiên tòa xét xử vụ án.

** Bị đơn anh Trần Thanh Ph đã được tổng đạt hợp lệ nhưng không đến Tòa án giao nộp tài liệu, chứng cứ nên không có lời khai.*

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

- Về thẩm quyền, trình tự, thủ tục Tòa án thụ lý vụ án, xác định quan hệ tranh chấp, xác định tư cách pháp lý và mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng, xác minh thu thập chứng cứ, hòa giải, thời hạn chuẩn bị xét xử, việc tuân theo pháp luật của đương sự và của hội đồng xét xử đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự.

- Về đường lối giải quyết vụ án: Chị Thịnh Thị H và anh Trần Thanh Ph tự nguyện chung sống vào năm 2006, có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống anh chị có 02 con chung gồm Trần Ngọc Phương L- sinh ngày 10/6/2008 và Trần Thịnh Minh Kh- sinh ngày 22/12/2013. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm nên vợ chồng thường cãi nhau. Nay chị H xin ly hôn, xin nuôi 02 con chung, không yêu cầu anh Ph cấp dưỡng nuôi con, đương sự không tranh chấp tài sản chung và khai không có nợ chung. Xét yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; các điều 56, 58, 81 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam năm 2014 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Chị Thịnh Thị H có yêu cầu vắng mặt, anh Trần Thanh Ph đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không rõ lý do. Vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ các điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự để giải quyết vụ án theo quy định.

[2]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án, quan hệ tranh chấp và tư cách đương sự: Chị Thịnh Thị H yêu cầu giải quyết ly hôn với anh Trần Thanh Ph. Do anh Ph cư trú và sinh sống ấp B, xã A, huyện N, tỉnh Đ nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện N có thẩm quyền giải quyết vụ án.

Quan hệ pháp luật được xác định “Tranh chấp ly hôn”. Căn cứ Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự xác định nguyên đơn là chị Thịnh Thị H, bị đơn là anh Trần Thanh Ph.

[3]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Thịnh Thị H và anh Trần Thanh Ph chung sống vào năm 2006, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã A cấp giấy chứng nhận kết hôn số 79, quyền số 01/2006, ngày 24/11/2006. Căn cứ Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam năm 2000 thì hôn nhân trên được xem là hợp pháp. Nay chị H xin ly anh Ph vì vợ chồng không còn tình cảm.

Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn thì thấy: Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn theo chị H khai là do bất đồng quan điểm nên vợ chồng bất hòa, từ tháng 12/2020 chị H và anh Ph sống ly thân đến nay không hòa giải đoàn tụ. Quá trình giải quyết vụ án, mặc dù được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh Ph không đến Tòa án để được hòa giải đoàn tụ, cũng không có ý kiến gì đối với việc chị H yêu cầu giải quyết ly hôn. Từ đó cho thấy mâu thuẫn giữa chị H và anh Ph đã trầm trọng và kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần cho chị H được ly hôn anh Ph là phù hợp pháp luật.

[4]. Về con chung: Chị H khai có 02 con chung là Trần Ngọc Phương L- sinh ngày 10/6/2008 và Trần Thịnh Minh Kh- sinh ngày 22/12/2013. Ly hôn, chị H xin nuôi 02 con, không yêu cầu anh Ph cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy từ khi chị H và anh Ph sống ly thân đến nay thì các con chung được chị H trực tiếp chăm sóc, các cháu cũng có nguyện vọng được sống cùng mẹ. Vì vậy cần giao 02 con chung cho chị H nuôi dưỡng là phù hợp quy định pháp luật.

[5]. Tài sản chung: đương sự không tranh chấp nên không xét.

[6]. Nợ chung: Đương sự khai không có nên không xét.

[7]. Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 chị H phải chịu toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về đường lối giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 28, 35, 39, 147, 220, 227, 228, 264, 266 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam năm 2000, các điều 56, 58, 81 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Thịnh Thị H về việc “Ly hôn” đối với bị đơn anh Trần Thanh Ph.

1. Xử: Cho chị Thịnh Thị H được ly hôn anh Trần Thanh Ph.

2. Về con chung: Xử giao 02 con chung là Trần Ngọc Phương L- sinh ngày 10/6/2008 và Trần Thịnh Minh Kh- sinh ngày 22/12/2013 cho chị Thịnh Thị H nuôi dưỡng. Anh Trần Thanh Ph không phải cấp dưỡng nuôi con và được quyền đến thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở. Vì lợi ích của các con chung, khi cần thiết các đương sự được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí: Chị Thịnh Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0005800 ngày 29/6/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Đ. Chị H đã nộp đủ án phí.

Chị Thịnh Thị H, anh Trần Thanh Ph được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện N;
- Tòa án tỉnh; Thi hành án;
- UBND xã nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀN**

Nguyễn Thị Mai